TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G
THÀNH PHỐ H
Bản án số: **38**/2024/HSST
Ngày: 09/04/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân 1) Bà Nguyễn Thị Nga

2) Ông Nguyễn Quang Hiển

- ***Thư ký ghi biên bản phiên Tòa:*** Bà Hoàng Huyền Trang –Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố H.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G - Thành phố H tham gia phiên tòa:*** Bà Tô Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 34/2024/HSST, ngày 22 tháng 03 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 03 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NTM**, sinh năm 1973 tại H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKHKTT: Tổ 4 phường V, quận L, thành phố H. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông NKD (đã chết) và bà NTT, sinh năm 1941; Gia đình có năm anh chị em, bị cáo là con thứ năm; Có chồng là VQH, sinh năm 1973 và 01 con sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 25 lập ngày 16/12/2023 tại Công an huyện G và lý lịch bị can thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 19/3/1998, tạm giữ từ ngày 20/3/1998 đến ngày 28/3/1998 hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện G ra lệnh truy nã số 03 ngày 21/11/1998.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 18/12/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông LAH, sinh năm 1976; hktt: Thôn T, xã D, huyện G, thành phố H.

Vắng mặt.

- Ông LQB, sinh năm 1976; hktt: Tổ 17, phường S, thành phố C, tỉnh C. Vắng mặt.

- Ông HHT, sinh năm 1976; hktt: Thôn N, xã N, huyện H1, tỉnh N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 12 năm 2017 đến ngày 19/03/1998 NTM đã 3 lần mua tổng cộng 61 gói Heroine với giá 15.000 đồng/1 gói của một thanh niên không rõ nhân thân tại khu vực đê Y, G, H với mục đích để bán kiếm lời. Sau đó M đã bán 2 lần tổng số 25 gói ma túy (vào tháng 12/1997 bán 10 gói và tháng 01/1998 bán 15 gói) với giá 18.000 đồng – 20.000 đồng/ 1 gói, thu lời từ 3.000 đồng – 5.000 đồng/ gói. Đến khoảng 20 giờ 00 phút ngày 19/3/1998, khi NTM đang ở nhà tại Thôn CT, xã Y, huyện G, thành phố H thì có NMH – sinh năm 1975, NMC (tức NMC) – sinh năm 1977, LAH – sinh năm 1976, NVL – sinh năm 1975 cùng trú tại thôn T, xã D, huyện G, thành phố H; LQB – sinh năm 1976, trú tại Tổ 17 phường S, thành phố C, tỉnh C; HHT – sinh năm 1976, trú tại: thôn N, N, H1, N; HVT – sinh năm 1977, trú tại: Khu thống nhất 2, thị trấn ĐM, CL, LS đến hỏi mua ma túy. NVL đưa cho M 20.000 đồng để mua một gói Heroin, còn NMH, HHT, LQB, HVT, LAH, NMC (tức NMC) góp chung 19.000 đồng đưa cho M để mua 01 gói ma túy Heroine. M đồng ý bán ma túy, cầm tổng số tiền 39.000 đồng và đi ra ngoài sân đến bờ tường hoa sát khu vực công trình phụ lấy 02 bọc trong túi nilong có chứa các gói ma túy Heroine mang vào nhà để bán. Khi M đến cửa nhà thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ niêm phong vật chứng.

Vật chứng thu giữ gồm: 20 gói nhỏ có chứa chất bột màu trắng và 07 mảnh giấy nhỏ nhàu nát có chữ ký niêm phong của NTM; 03 chiếc xilanh nhựa có cả kim, 02 ống nước cất loại 5ml đã bẻ một đầu có chữ ký niêm phong của T, H, B, L, C, T, H; số tiền 39.000 đồng.

Ngày 19/3/1998, Cơ quan CSĐT – Công an huyện G ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của NTM tại thôn CT, Y, G, H, thu giữ 16 gói nhỏ bên trong có chứa chất bột màu trắng và số tiền 140.000 đồng.

Tại thông báo kết luận giám định số 522 ngày 30/3/1998 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H kết luận: 36 gói bột màu trắng là bột Heroine, có trọng lượng 0,447 gam; 02 xilanh nhựa loại 6ml/cái có dính Heroine, 01 xilanh nhựa loại 6ml/cái và 02 ống nước cất không dính chất ma túy.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSGL ngày 20 tháng 03 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo NTM phạm tội "Mua bán

trái phép chất ma túy" theo quy định khoản 1 điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện G sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo NTM phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt NTM từ 42 đến 45 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2023. Được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 19/3/1998 đến 28/3/1998.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định.

Về tang vật đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 gói giấy niêm phong, bên ngoài có chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Đán, giám định viên Phạm Thị Hồng, và đối tượng NTM. Trong gói niêm phong có chứa 20 gói giấy nhỏ chứa ma túy Heroine và 07 mảnh giấy nhỏ nhàu nát.

- 01 gói giấy niêm phong bên ngoài có chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Đán, giám định viên Nguyễn Thị Hồng, và đối tượng NTM. Trong gói niêm phong có chứa 16 gói nhỏ chứa ma túy Heroine.

- 01 gói giấy niêm phong bên ngoài có chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Đán, giám định viên Phạm Thị Hồng, và các đối tượng NVL, NMC, NMH, LAH, HVT, LQB, HHT. Trong gói niêm phong có chứa 01 xilanh và 02 ống nước cất.

* Sung quỹ nhà nước số tiền 179.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo NTM sau khi nghe quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, bị cáo thừa nhận có tội và thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình là sai, vi phạm pháp luật, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Thành phố H, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử của Tòa án huyện G, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh LAH, LQB, HHT đã được tống đạt hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, sự vắng mặt của anh H, anh B, anh T không ảnh hưởng đến kết quả của việc xét xử. Tòa án xét xử vắng mặt của họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo NTM:

Lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng, kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận:

Hồi 20 giờ 30 phút ngày 19/3/1998, tại thôn CT, xã Y, G, H, NTM đang có hành vi cất giữ trái 0,447 gam ma túy loại Heroine mục đích bán cho NVL, NMC (tức NMC), NMH, HVT, LAH, LQB, HHT để kiếm lời thì bị cơ quan Công an bắt quả tang cùng vật chứng.

Hành vi phạm tội của bị cáo NTM đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tuy nhiên hành vi này xẩy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, xét thấy Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định hình phạt nhẹ hơn Điều 185đ Bộ luật hình sự năm 1985 sửa đổi bổ sung năm 1997 nên áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017 để giải quyết.

Vì vậy việc Viện kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố H áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự để truy tố NTM về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đặc biệt trong tình hình hiện nay, tệ nạn ma tuý đang là vấn đề nhức nhối của xã hội, ma tuý gây ảnh hưởng tới sự phát triển lành mạnh của con người, làm hủy hoại sức khỏe, giảm khả năng lao động và là một trong những nguyên nhân gây ra các tội

phạm khác; gây mất trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo biết nhà nước nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn có hành vi cất giữ 0,447 gam ma túy loại Heroine để bán cho các đối tượng nghiện nhằm mục đích kiếm lời và khi đang thực hiện hành vi mua bán thì bị phát hiện. Việc bị phát hiện là ngoài ý muốn của bị cáo. Bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước đối với các chất gây nghiện. Do đó hành vi vi phạm của bị cáo cần phải nghiêm trị.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 19/3/1998, đến ngày 28/3/1998 khi được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử. Đây không được xem là tình tiết tăng nặng nhưng thể hiện ý thức không tuân thủ pháp luật của bị cáo. Vì vậy, việc bị cáo đầu thú sau thời gian dài bỏ trốn không được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Việc bị cáo khai nhận sau khi được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú thì M quen biết một người phụ nữ không rõ nhân thân rủ M đến LS để làm ăn nên M đồng ý. Sau đó, M được người phụ nữ này đưa đi qua đường rừng, khi đến nơi M mới biết bị lừa sang Trung Quốc. Đến tháng 10/2023, NTM mới trở về được Việt Nam và đến cơ quan Công an đầu thú ngày 15/12/2023. Ngoài lời khai của bị cáo M, không có chứng cứ nào khác. Nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện G không có căn cứ xử lý NTM về hành vi qua biên giới trái phép là có đúng quy định pháp luật.

Khi lượng hình cũng cần xem xét: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời cũng răn đe những đối tượng có ý định phạm tội.

Về thời gian đã bị tạm giữ: Bị cáo NTM bị bắt quả tang ngày 19/3/1998 vào hồi 20 giờ 30 phút, đến 03 giờ 00 phút ngày 20/3/1998 mới có Lệnh tạm giữ để phục vụ điều tra. Từ khi bắt quả tang đến khi có lệnh tạm giữ, bị cáo lưu trú và phối hợp làm việc liên tục tại Cơ quan điều tra, vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo, cần tính thời gian đã bắt tạm giữ từ

ngày 19/3/1998 đến ngày 20/3/1998 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, để trừ vào thời hạn tù của bị cáo NTM.

Bị cáo không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 gói giấy niêm phong, bên ngoài có chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Đán, giám định viên Phạm Thị Hồng, và đối tượng NTM. Trong gói niêm phong có chứa 20 gói giấy nhỏ chứa ma túy Heroine và 07 mảnh giấy nhỏ nhàu nát.

- 01 gói giấy niêm phong bên ngoài có chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Đán, giám định viên Nguyễn Thị Hồng, và đối tượng NTM. Trong gói niêm phong có chứa 16 gói nhỏ chứa ma túy Heroine.

- 01 gói giấy niêm phong bên ngoài có chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Đán, giám định viên Phạm Thị Hồng, và các đối tượng NVL, NMC, NMH, LAH, HVT, LQB, HHT. Trong gói niêm phong có chứa 01 xilanh và 02 ống nước cất.

* Sung quỹ nhà nước số tiền 179.000 đồng.

[7].Các vấn đề khác:

Đối với hành vi NTM khai bán 25 gói ma túy vào tháng 12/1997 (bán 10 gói) và tháng 01/1998 (bán 15 gói), M không xác định được cụ thể ngày bán ma túy và đối tượng mua ma túy cụ thể là ai. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mua ma túy gồm anh NVL, NMC (tức NMC), NMH, HVT hiện đã chết. Các đối tượng mua ma túy còn lại gồm LAH, LQB, HHT đều khẳng định tối ngày 19/3/1998 là lần đầu tiên đến nhà M mua ma túy. Do đó, không có căn cứ xử lý NTM về hành vi "Phạm tội 2 lần trở lên".

Đối với đối tượng bán ma túy cho NTM, do không xác định được nhân thân nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với NVL, NMC (tức NMC), NMH, HVT, LAH, LQB và HHT là những người mua ma túy của NTM, ngày 29/3/1998, Công an huyện G đã ra quyết định xử phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo NTM phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

1. Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật hình sự. Áp dụng các Điều 106, 135, 136, 299, 326, 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Luật Thi hành án.

Xử phạt: NTM 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2023. Được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 19/3/1998 đến 28/3/1998.

2. Xử lý vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 gói giấy niêm phong, bên ngoài có chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Đán, giám định viên Phạm Thị Hồng, và đối tượng NTM. Trong gói niêm phong có chứa 20 gói giấy nhỏ chứa ma túy Heroine và 07 mảnh giấy nhỏ nhàu nát.

- 01 gói giấy niêm phong bên ngoài có chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Đán, giám định viên Nguyễn Thị Hồng, và đối tượng NTM. Trong gói niêm phong có chứa 16 gói nhỏ chứa ma túy Heroine.

- 01 gói giấy niêm phong bên ngoài có chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Đán, giám định viên Phạm Thị Hồng, và các đối tượng NVL, NMC, NMH, LAH, HVT, LQB, HHT. Trong gói niêm phong có chứa 01 xilanh và 02 ống nước cất.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố H, có tình trạng, đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/03/2024 giữa Công an huyện G và Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố H).

* Sung quỹ nhà nước Số tiền 179.000 đồng hiện đang lưu tại Chi Cục THA dân sự huyện G theo Biên lai thu tiền số 0003859 ngày 28/3/2024.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
-UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú (thay Thông báo KQXX)
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G
- TAND Thành phố H,
- VKSND TP H;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ Công An TPHN;
- Chi Cục thi hành án dân sự huyện G
- Sở Tư Pháp thành phố H
- Lưu VP, THAHS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc